

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Q.
2. Bà Diệp Thị T.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1996. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố C.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thật T, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 16/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày: sau thời gian tìm hiểu, chị N với anh T tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 26/9/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Nguyễn Huỳnh H, sinh ngày 23/02/2014 và hiện đang sống chung với chị N. Tuy nhiên, đến năm 2017 anh T tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ. Sau khi tìm hiểu, chị N biết anh T đã có mối

quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Quá trình chung sống, chị N và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung. Nay mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thật T .

- Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Huỳnh H , sinh ngày 23/02/2014. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thật T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do, đã tự từ bỏ quyền của mình.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: chị N được ly hôn anh T.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Huỳnh H , sinh ngày 23/02/2014 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Huỳnh Thị H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thật T có địa chỉ ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Thật T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập anh T đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thật T theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị H và anh Nguyễn Thật T chung sống với nhau từ năm 2013, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 26/9/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng, sau thời gian tìm hiểu, chị N với anh T tiến đến hôn nhân vào năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng, anh T không quan tâm đến gia đình, không chung thủy với chị và tự ý bỏ nhà đi; mặc dù, chị N góp ý nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vậy, chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

[3.3] Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T, được đại diện Ban ấp Trung Bình Nhất cung cấp thông tin như sau: anh Nguyễn Thật T và chị Huỳnh Thị H chung sống tại ấp T, xã V, huyện T; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A. Anh T và chị N đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị H.

[4] Quan hệ con chung: chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh H, sinh ngày 23/02/2014. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị N và anh T ly thân, cháu Đ được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và học hành ổn định. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu Đ lập ngày 16/5/2022 thì cháu muốn được sống chung với mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu Đ; căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N; giao cháu Nguyễn Huỳnh H cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị N yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thật T .

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 26/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã V , huyện T , tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: giao cháu Nguyễn Huỳnh H , sinh ngày 23/02/2014 cho chị Huỳnh Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu Đ đang sống chung với chị N). Chị Huỳnh Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Thật T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thật T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Huỳnh Thị H và anh Nguyễn Thật T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009056 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (chị N đã nộp xong).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H